

Số: 49 /2020/QĐST- HNGĐ

Bỉm Sơn, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án mục 1.1 phần B danh mục về lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Lê Duy H - sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 6, Khu phố 7, phường Đ , thị xã B , tỉnh T

2/ Chị Vũ Thị T - sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 6, Khu phố 7, phường Đ , thị xã B , tỉnh T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Duy H và chị Vũ Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã B , tỉnh T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/06/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dân do anh Hùng thường xuyên đi làm ăn xa dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, lạnh nhạt. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau và không còn quan hệ gì về tình cảm. Đến nay, anh H và chị T đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lê Duy H và chị Vũ Thị T .

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, là các cháu Lê Thị Phương A , sinh ngày 05/10/1999 và Lê Phương T , sinh ngày 12/10/2006 . Hai bên thống nhất, hiện nay cháu Phương A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T , anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Việc thỏa thuận về nuôi con chung của các bên là phù hợp nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con giữa anh Lê Duy H và chị Vũ Thị T.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 22 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Duy H và chị Vũ Thị T.

- Về con chung: Cháu Lê Thị Phương A, sinh ngày 05/10/1999 đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

Giao cháu Lê Phương T , sinh ngày 12/10/2006 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, anh Lê Duy H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị T là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự anh Lê Duy H và chị Vũ Thị T mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), hai bên thống nhất anh H chịu lệ phí của cả hai người phải nộp. Chuyển số tiền anh H đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2017/0006268 ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn sang phần lệ phí của anh H và chị T. Như vậy, các đương sự đã thi hành xong khoản lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Bim Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn
- UBND phường Lam Sơn thị xã Bim Sơn,
tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Hương